HB2137

TUYÊN BỐ CHUNG

VỀ QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC GIỮA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG NGA

Nhận lời mời của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương, Tổng thống Liên bang Nga V. V. Putin đã thăm chính thức nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ ngày 28 tháng 2 đến ngày 2 tháng 3 năm 2001.

Hai vị Nguyên thủ đã xem xét toàn diện các mối quan hệ Việt - Nga và hài lòng nhận thấy rằng tính chất của các mối quan hệ đó hoàn toàn phù hợp với những lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước. Trong hơn 50 năm qua kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Nga đã góp phần tích cực vào sự phát triển và phồn vinh của hai nước, vì hoà bình, ổn định và hợp tác ở khu vực và trên thế giới. Việt Nam và Liên bang Nga (dưới đây gọi tắt là hai Bên) khẳng định quyết tâm tiếp tục củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và sự hợp tác nhiều mặt trong thế kỷ 21 trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược đã được thiết lập giữa hai nước.

1. Hai Bên cho rằng Hiệp ước về các cơ sở quan hệ hữu nghị giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga

ký ngày 16 tháng 6 năm 1994, Tuyên bố chung Việt - Nga ký ngày 25 tháng 8 năm 1998 và các văn kiện song phương khác đã ký giữa Việt Nam và Liên bang Nga, là cơ sở vững chắc để phát triển mạnh mẽ quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào các công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

2. Hai Bên sẽ tiếp tục duy trì tiếp xúc thường xuyên ở các cấp, kể cả ở cấp cao nhất, nhằm trao đổi ý kiến về các vấn đề quan trọng của quan hệ song phương cũng như tình hình khu vực và quốc tế.

3. Hai Bên sẽ tăng cường quan hệ giữa các cơ quan chính quyền hai nước, mở rộng sự hợp tác và giao lưu giữa các tổ chức chính trị - xã hội, bao gồm cả hoạt động của các Hội hữu nghị Việt - Nga và Nga - Việt.

4. Hai Bên coi việc phát triển quan hệ kinh tế - thương mại, khoa học kỹ thuật và đầu tư trên cơ sở phát huy toàn diện tiềm năng của hai nước và kinh nghiệm hợp tác được tích luỹ trong mấy chục năm qua là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong việc thúc đẩy quan hệ Việt - Nga.

5. Hai Bên cho rằng kết quả hợp tác nhiều năm qua giữa hai nước trong lĩnh vực dầu khí là cơ sở vững chắc để tiếp tục phát triển hơn nữa quan hệ kinh tế hai bên cùng có lợi. Hiệu quả cao của Xí nghiệp liên doanh "Vietsovpetro" về thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam là cơ sở để hai nước tiếp tục mở rộng quy mô hợp tác trong lĩnh vực này thông

qua mở rộng vùng hoạt động của xí nghiệp liên doanh, tiến hành khai thác những mỏ dầu khí mới ở Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính phủ hai nước sẽ ưu tiên triển khai các dự án mới trong lĩnh vực này, trước hết quan tâm thích đáng việc xây dựng và sớm đưa vào vận hành nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam ở Dung Quất.

6. Hai Bên quyết tâm thúc đẩy sự hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng điện, dầu khí, hoá chất, cơ khí, luyện kim, điện tử, nông nghiệp, thông tin, khoa học và kỹ thuật, văn hoá, giáo dục, đào tạo và những lĩnh vực hợp tác khác có nhiều triển vọng.

7. Hai Bên cho rằng để mở rộng quan hệ thương mại, hai nước cần tìm ra các biện pháp đa dạng để đẩy mạnh trao đổi hàng, tăng kim ngạch buôn bán lên mức độ mới phù hợp với tiềm năng vốn có. Cần tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước đối với các doanh nghiệp, thúc đẩy sự hợp tác về kinh tế, khoa học kỹ thuật và văn hoá giữa các tỉnh của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các chủ thể của Liên bang Nga với vai trò chỉ đạo của các cơ quan chính trị đối ngoại trên cơ sở Hiệp định giữa hai Chính phủ ký ngày 11 tháng 9 năm 2000.

8. Hai Bên sẽ tăng cường hợp tác về trang bị quốc phòng phù hợp với yêu cầu an ninh của Việt Nam và Liên bang Nga và không nhằm chống lại nước thứ ba.

9. Hai bên nhất trí cho rằng cần tiếp tục hoàn thiện hoạt động của Uỷ ban liên Chính phủ về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học kỹ thuật Việt - Nga, coi đó là một nhân tố quan trọng

thúc đẩy toàn bộ các quan hệ hợp tác giữa hai nước trong giai đoạn mới.

10. Việt Nam và Liên bang Nga ủng hộ mạnh mẽ việc củng cố và tăng cường các xu hướng tích cực của tình hình thế giới, chủ trương góp phần xây dựng thế giới công bằng và bình đẳng giữa các quốc gia vì sự nghiệp hoà bình, ổn định và phát triển của nhân loại, kiên quyết chống lại mọi hình thức áp đặt hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia có chủ quyền, lên án ý đồ đưa khái niệm "can thiệp nhân đạo" và "chủ quyền hạn chế" vào thực tiễn quan hệ quốc tế nhằm biện minh cho các hành động quân sự của một nước hay nhóm nước, vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

11. Hai Bên khẳng định tuân thủ mục đích và các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, các quyết định của Hội đồng Bảo an trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ các nước, sẽ phối hợp trên tinh thần xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hợp quốc trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu và phát triển hợp tác giữa tất cả các quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học - kỹ thuật, môi trường, nhân đạo và các lĩnh vực khác phù hợp với các quyết định của Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ và Tuyên bố thiên niên kỷ của Liên hợp quốc.

Hai bên ghi nhận tính chất hai mặt của quá trình toàn cầu hoá kinh tế thế giới. Cùng với những cơ hội mới để phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng giao lưu, quá trình toàn cầu hoá tạo ra những thách thức mới, nhất là đối với các quốc gia chậm phát

triển. Hai Bên khẳng định sẽ tăng cường phối hợp góp phần giảm thiểu những hậu qủa tiêu cực của quá trình này. Hai Bên coi trọng việc hội nhập vào hệ thống quan hệ kinh tế thế giới, trước hết tham gia vào Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới bình đẳng, công bằng.

12. Hai Bên chủ trương tiếp tục góp phần củng cố hoà bình và ổn định ở khu vực và trên thế giới, duy trì và hoàn chỉnh hệ thống Điều ước quốc tế hiện hành trong lĩnh vực kiểm soát vũ khí và giải trừ quân bị, bảo đảm an ninh cho nhân loại.

Việt Nam ủng hộ các nỗ lực của Liên bang Nga nhằm duy trì và củng cố Hiệp ước giữa Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô-Viết và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về hạn chế các hệ thống phòng thủ chống tên lửa ký ngày 26 tháng 5 năm 1972, coi đó là cơ sở để tiếp tục cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược.

Việt Nam hoan nghênh sáng kiến nêu trong Tuyên bố ngày 13 tháng 11 năm 2000 của Tổng thống Liên bang Nga về chương trình chủ động củng cố sự ổn định chiến lược và giải trừ vũ khí hạt nhân.

Hai Bên quyết tâm hợp tác trên cơ sở song phương cũng như đa phương nhằm chống lại chủ nghĩa khủng bố quốc tế, chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa tôn giáo cực đoan và tội phạm xuyên quốc gia hiện là nguy cơ nghiêm trọng đối với an ninh của các quốc gia có chủ quyền, đối với hoà bình và ổn định trên thế giới.

Hai Bên khẳng định tầm quan trọng của vấn đề an toàn thông tin quốc tế, như đã nêu trong Nghị quyết 55/28 của Đại hội đồng Liên hợp quốc được thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2000.

13. Hai Bên tin tưởng cần hợp tác chặt chẽ hơn nhằm bảo vệ môi trường toàn cầu, giữ gìn và khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên vì lợi ích của các thế hệ ngày nay và mai sau.

14. Hai Bên hết sức coi trọng vấn đề bảo đảm an ninh và củng cố lòng tin ở Châu Á - Thái Bình dương. Hai Bên cho rằng việc triển khai các hệ thống phòng thủ chống tên lửa chiến trường (TMD) khép kín ở Châu Á - Thái Bình Dương có thể tác động tiêu cực đến an ninh và ổn định của khu vực và gây ra một cuộc chạy đua vũ trang mới.

Hai Bên nhấn mạnh tầm quan trọng và ủng hộ việc tiếp tục tham khảo ý kiến giữa Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và 5 cường quốc hạt nhân thông qua các kênh sẵn có để các nước này sớm tham gia ký Nghị định thư Hiệp ước về khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), giúp hình thành khu vực không có vũ khí hạt nhân ở Đông Nam Á, củng cố cơ chế của Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân ký ở Giơ-ne-vơ ngày 1 tháng 7 năm 1968 và tiến tới một thế giới phi hạt nhân.

Hai Bên đánh giá cao vai trò của các diễn đàn khu vực như Hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC); ASEAN, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Diễn đàn Thượng Hải trong việc tạo

bầu không khí thuận lợi cho sự hợp tác nhiều bên và cùng có lợi ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Nga coi trọng quan hệ với ASEAN và quyết tâm phát triển quan hệ hợp tác toàn diện với ASEAN trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, góp phần củng cố hoà bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á. Nga ủng hộ việc giải quyết các bất đồng và tranh chấp ở khu vực này bằng biện pháp hoà bình.

Nga hoàn toàn ủng hộ và sẵn sàng tham gia các dự án hợp tác trong khuôn khổ "Chương trình hành động Hà Nội" được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội tháng 12 năm 1998, nhất là các dự án trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, giao thông vận tải, năng lượng và khai thác dầu.

Tính tới vị thế Âu - Á của Liên bang Nga, Việt Nam ủng hộ nguyện vọng của Nga tham gia vào hoạt động của Diễn đàn Á - Âu (ASEM) và sẽ thúc đẩy việc Nga gia nhập Tổ chức ASEM.

15. Hai Bên hoan nghênh kết quả của cuộc gặp thượng đỉnh liên Triều tháng 6 năm 2000 và những bước phát triển mới của tiến trình hoà giải giữa hai miền Triều Tiên. Việt Nam và Nga ủng hộ nguyện vọng hoà bình thống nhất của nhân dân trên bán đảo Triều Tiên, ủng hộ mọi cố gắng mang tính xây dựng nhằm duy trì hoà bình ổn định ở bán đảo Triều Tiên, giải quyết các vấn đề bán đảo Triều Tiên một cách hoà bình, thông qua đối thoại.

16. Hai Bên kiên trì ủng hộ các nỗ lực nhằm đạt được nền hoà bình toàn diện, bền vững và công bằng ở Trung Đông trên cơ

sở các Nghị quyết 242 ngày 22 tháng 11 năm 1967 và Nghị quyết 338 ngày 22 tháng 10 năm 1973 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, những nguyên tắc của Hội nghị Madrit, kể cả công thức "đổi đất lấy hoà bình".

17. Hai Bên nhất trí cho rằng kết quả tốt đẹp của chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của Tổng thống Liên bang Nga có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần đưa quan hệ Việt - Nga vào một giai đoạn phát triển mới trong thế kỷ 21, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước, vì hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Tổng thống Liên bang Nga V. V. Putin mời Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương thăm chính thức Liên bang Nga vào thời gian thích hợp. Chủ tịch Trần Đức Lương đã cảm ơn và nhận lời mời. Thời gian của chuyến thăm sẽ được thoả thuận theo đường ngoại giao.

CHỦ TỊCH NƯỚC	**TỔNG THỐNG**
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	**LIÊN BANG NGA**
VIỆT NAM	
TRẦN ĐỨC LƯƠNG	**V. V. PUTIN**

Hà Nội ngày 01 tháng 3 năm 2001

ДЕКЛАРАЦИЯ
О СТРАТЕГИЧЕСКОМ ПАРТНЕРСТВЕ
МЕЖДУ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕСПУБЛИКОЙ ВЬЕТНАМ
И РОССИЙСКОЙ ФЕДЕРАЦИЕЙ

По приглашению Президента Социалистической Республики Вьетнам Чан Дык Лыонга Президент Российской Федерации В.В.Путин с 28 февраля по 2 марта 2001 года совершил официальный визит в Социалистическую Республику Вьетнам.

Главы двух государств, рассмотрев весь комплекс вопросов, касающихся вьетнамо-российских отношений, с удовлетворением отмечают, что их характер полностью отвечает коренным интересам народов двух стран. На протяжении более чем 50 лет, прошедших со дня установления дипломатических отношений, традиционные узы дружбы и сотрудничества между Вьетнамом и Россией способствовали развитию и процветанию двух стран, служили делу мира, стабильности и сотрудничества в регионе и во всем мире. Вьетнам и Россия (далее именуемые Сторонами) подтверждают решимость укреплять и развивать традиционную дружбу и разностороннее сотрудничество в XXI веке в духе установившегося между двумя странами стратегического партнерства.

1. Стороны считают, что Договор об основах дружественных отношений между Социалистической Республикой Вьетнам и Российской Федерацией от 16 июня 1994 года, Совместное Вьетнамо-Российское Заявление от 25 августа 1998 года, а также другие ранее подписанные Вьетнамом и Россией совместные документы являются прочной базой для поступательного развития многопланового сотрудничества двух стран на основе принципов уважения государственного суверенитета, независимости, территориальной целостности, невмешательства во внутренние дела друг друга, равенства и взаимной выгоды.

2. Стороны будут и впредь поддерживать регулярные контакты на различных уровнях, в том числе на высшем, для обмена мнениями по важным вопросам двусторонних отношений и международной обстановки.

3. Стороны будут углублять связи между органами государственной власти, расширять сотрудничество и обмены между общественно-политическими организациями двух стран, в том числе по линии обществ вьетнамо-российской и российско-вьетнамской дружбы.

4. Одной из наиболее важных задач в области двусторонних отношений Стороны считают наращивание торгово-экономического, научно-технического и инвестиционного сотрудничества на основе всестороннего использования накопленного за предшествующие десятилетия потенциала и опыта взаимодействия.

5. Стороны считают, что результаты многолетнего сотрудничества двух стран в нефтегазовой сфере служат прочной базой для дальнейшего развития взаимовыгодных экономических связей. Высокая эффективность совместного предприятия по разведке и добыче нефти и газа на континентальном шельфе юга Вьетнама «Вьетсовпетро» является основой для наращивания масштабов взаимодействия в данной области путем расширения зоны деятельности этого предприятия, разработки новых месторождений углеводородного сырья в Социалистической Республике Вьетнам. Правительства двух стран будут уделять приоритетное внимание реализации новых проектов в этой области, прежде всего строительству и скорейшему вводу в эксплуатацию первого во Вьетнаме нефтеперерабатывающего завода в Зунгкуат.

6. Стороны полны решимости содействовать развитию сотрудничества в таких областях как электроэнергетика, нефтегазовая и химическая промышленность, машиностроение, металлургия, электроника, сельское хозяйство, связь, наука и техника, культура, образование, подготовка кадров и в

других перспективных областях.

7. Стороны исходят из того, что для расширения двусторонней торговли необходим поиск путей наращивания взаимного товарооборота, доведения его объемов до уровня, соответствующего имеющемуся потенциалу. Необходимо усилить государственную поддержку бизнеса, способствовать развитию экономического, научно-технического и культурного сотрудничества между провинциями Социалистической Республики Вьетнам и субъектами Российской Федерации при координирующей роли внешнеполитических ведомств на основе межправительственного соглашения от 11 сентября 2000 года.

8. Стороны будут укреплять сотрудничество в оборонной области в интересах безопасности Вьетнама и России. Это сотрудничество не направлено против третьих стран.

9. Стороны считают необходимым продолжить совершенствование деятельности Вьетнамо-Российской Межправительственной комиссии по торгово-экономическому и научно-техническому сотрудничеству, играющей важную роль в комплексном развитии двустороннего взаимодействия на новом этапе.

10. На международной арене Вьетнам и Россия последовательно выступают за закрепление позитивных тенденций в мировом развитии, за формирование миропорядка, основанного на справедливости и равноправии между государствами, в интересах мира, стабильности и развития человечества. Стороны решительно против любых форм давления в отношении суверенных государств либо вмешательства в их внутренние дела, осуждают попытки внедрения в международную практику концепций «гуманитарной интервенции» и «ограниченного суверенитета» для оправдания односторонних или групповых силовых акций, грубо нарушающих основополагающие принципы Устава ООН и международного права.

11. Подтверждая приверженность целям и принципам Устава ООН, решениям Совета Безопасности ООН, основывающимся на уважении суверенитета и невмешательстве во внутренние дела государств, Стороны будут конструктивно взаимодействовать в целях повышения эффективности деятельности ООН в решении глобальных проблем и развития международного сотрудничества в политической, экономической, социальной, научно-технической, экологической, гуманитарной и других сферах в соответствии с решениями Саммита тысячелетия ООН и Декларацией тысячелетия Организации Объединенных Наций.

Стороны отметили неоднозначность процесса глобализации мировой экономики. Наряду с дополнительными возможностями социально-экономического развития, расширения обменов он порождает и новые вызовы, особенно для наименее развитых стран. Стороны подтверждают, что будут укреплять взаимодействие в целях снижения негативных последствий этого процесса. Стороны придают важное значение интеграции в систему мирохозяйственных связей, в первую очередь вступлению во Всемирную торговую организацию, формированию справедливого и равноправного международного экономического порядка.

12. Стороны намерены содействовать укреплению глобальной и региональной стабильности и мира, сохранению и совершенствованию существующей системы международных договоров в области контроля над вооружениями и разоружения, обеспечению безопасности всех государств.

Вьетнам поддерживает усилия Российской Федерации по сохранению и укреплению Договора между Союзом Советских Социалистических Республик и Соединенными Штатами Америки об ограничении систем противоракетной обороны от 26 мая 1972 года, рассматривая его в качестве основы для дальнейшего сокращения стратегических наступательных вооружений.

Вьетнам приветствует инициативную программу укрепления стратегической стабильности и ядерного разоружения, изложенную в Заявлении Президента Российской Федерации от 13 ноября 2000 года.

Стороны полны решимости сотрудничать как на двусторонней, так и на многосторонней основе в борьбе против международного терроризма, сепаратизма, религиозного экстремизма, транснациональной преступности, которые представляют серьезную угрозу безопасности суверенных государств, миру и стабильности.

Стороны подтверждают актуальность проблемы международной информационной безопасности, как это зафиксировано в резолюции 55/28 Генеральной Ассамблеи ООН, принятой 20 ноября 2000 года.

13. Стороны убеждены в необходимости более тесного сотрудничества в целях охраны глобальной окружающей среды, сохранения и рациональной эксплуатации природных богатств и ресурсов на благо нынешнего и будущих поколений.

14. Стороны придают исключительно большое значение вопросам обеспечения безопасности и укрепления доверия в Азиатско-тихоокеанском регионе (АТР). Стороны исходят из того, что размещение в АТР замкнутых блоковых систем противоракетной обороны театра военных действий может отрицательно повлиять на региональную стабильность и безопасность, привести к новой гонке вооружений.

Стороны подчеркивают важность консультаций между Ассоциацией государств Юго-Восточной Азии (АСЕАН) и пятью ядерными державами и поддерживают их продолжение по имеющимся каналам в целях скорейшего подписания этими странами Протокола к Договору о зоне, свободной от ядерного оружия, в Юго-Восточной Азии, что будет способствовать формированию в Юго-Восточной Азии безъядерной зоны, упрочению режима

Договора о нераспространении ядерного оружия, подписанного в Женеве 1 июля 1968 года, и продвижению к безъядерному миру.

Стороны высоко оценивают роль таких региональных форумов как Азиатско-тихоокеанское экономическое сотрудничество, АСЕАН, Асеановский региональный форум, Шанхайский форум в создании благоприятного климата для обеспечения многостороннего взаимовыгодного сотрудничества в АТР.

Россия придает важное значение отношениям с АСЕАН и исполнена решимости развивать всестороннее сотрудничество с АСЕАН на основе равноправия, взаимной выгоды, содействия укреплению мира и стабильности в Юго-Восточной Азии. Россия поддерживает урегулирование разногласий и споров в регионе мирными средствами.

Россия полностью поддерживает «Ханойский план действий», принятый на VI Саммите АСЕАН в Ханое в декабре 1998 года, и готова участвовать в осуществляемых в его рамках проектах, в первую очередь в сфере научно-технологического сотрудничества, транспорта, энергетики и нефтедобычи.

Учитывая евразийский статус Российской Федерации, Вьетнам поддерживает стремление России подключиться к деятельности форума «Азия - Европа» (АСЕМ) и будет содействовать российскому вступлению в АСЕМ.

15. Стороны приветствуют результаты межкорейской встречи на высшем уровне в июне 2000 года и новые шаги по примирению между двумя частями Кореи. Вьетнам и Россия поддерживают стремление народа Корейского полуострова к мирному объединению, а также все конструктивные усилия, направленные на сохранение мира и стабильности на Корейском полуострове, разрешение его проблем мирным путем, посредством диалога.

16. Стороны едины в поддержке усилий по достижению всеобщего, прочного и справедливого мира на Ближнем Востоке на основе резолюции 242 от 22 ноября 1967 года и резолюции 338 от 22 октября 1973 года Совета

Безспасности ООН, принципов Мадридской конференции, включая формулу «земля в обмен на мир».

17. Стороны единодушны в том, что успешные результаты первого визита во Вьетнам Президента Российской Федерации имеют особо важное значение для вывода вьетнамо-российских отношений на новый этап развития в XXI веке, что отвечает чаяниям народов двух стран, интересам мира, стабильности, сотрудничества и развития в регионе и во всем мире.

Президент Российской Федерации В.В.Путин пригласил Президента Социалистической Республики Вьетнам Чан Дык Лыонга посетить Российскую Федерацию с официальным визитом в удобное для него время. Приглашение было с благодарностью принято. Сроки визита будут согласованы по дипломатическим каналам.

ПРЕЗИДЕНТ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕСПУБЛИКИ ВЬЕТНАМ

ЧАН ДЫК ЛЫОНГ

ПРЕЗИДЕНТ РОССИЙСКОЙ ФЕДЕРАЦИИ

В.В.ПУТИН

г.Ханой, «01» марта 2001 года

BỘ NGOẠI GIAO

Số : 15 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH
(Để thực hiện)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2001

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng

Trần Duy Thi

Nơi nhận :

- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo),
- Bộ Thương mại,
- Bộ Quốc phòng,
- Bộ Công an,
- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,
- Bộ Công nghiệp,
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị,
- Đại sứ quán Việt Nam tại Nga,
- Vụ Châu Âu 1,
- Vụ Chính sách đối ngoại,
- Vụ LPQT,
- Lưu trữ.

Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2001.